

<p>- Đọc mẫu diễn cảm toàn bài. + Giáo viên đọc mẫu chú ý đọc với giọng đọc, nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả, gợi cảm.</p> <p>b. Luyện đọc kết hợp giải nghĩa từ: * <i>Đọc từng câu:</i> - Tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc từng câu . - Đọc đúng từ: cuốc, bụi rậm, trắng phau phau. * <i>Đọc từng đoạn :</i> - YC đọc từng đoạn trong nhóm</p> <p>- Giảng từ mới: cuốc, trắng phau phau, thanh thoi + Đặt câu với từ: cuốc, trắng phau phau, thanh thoi</p> <p>*Lưu ý: đặt câu HS M3, M4, ngắt câu đúng: HS M1) - GV trợ giúp, hướng dẫn đọc những câu dài - Luyện câu: <i>Cò đang lội ruộng bắt tép.// Cuốc thấy vậy/ từ trong bụi rậm lần ra,/ hỏi: //</i> <i>-Chị bắt tép vất vả thế,/ chẳng sợ bùn bắn bẩn hết áo trắng sao?</i> <i>Cò vui vẻ trả lời://</i> <i>-Khi làm việc,/ ngại gì bẩn hở chị ?//</i></p> <p>* GV kết hợp HĐTQ tổ chức chia sẻ bài đọc trước lớp. - Đọc từng đoạn theo nhóm - Thi đọc giữa các nhóm - GV nhận xét, đánh giá.</p> <p>Lưu ý: - <i>Đọc đúng: M1, M2</i> - <i>Đọc hay: M3, M4</i></p>	<p>- Học sinh lắng nghe, theo dõi.</p> <p>-HS đọc nối tiếp câu trong nhóm. - Luyện đọc đúng</p> <p>+ Học sinh nối tiếp nhau đọc từng đoạn theo nhóm kết hợp giải nghĩa từ và luyện đọc câu khó. + Đoạn 1: + Đoạn 2:.... *Dự kiến ND giải nghĩa từ và đặt câu: +Thanh thoi: nhàn không lo nghĩ nhiều. +Bà nội em đã về hưu nên giờ rất <u>thanh thoi</u>.... - Luyện đọc ngắt câu, cụm từ - Đọc bài, chia sẻ cách đọc</p> <p>- HS thực hiện theo yêu cầu - Đại diện nhóm thi đọc -Thi đua giữa các nhóm - HS nhận xét, bình chọn bạn đọc hay.</p>
<p>3. HĐ Tìm hiểu bài: (8 phút) *Mục tiêu: - Hiểu ý nghĩa: Phải lao động vất vả mới có lúc thanh nhàn, sung sướng *Cách tiến hành: Làm việc cá nhân -> Chia sẻ cặp đôi -> Chia sẻ trước lớp</p>	

<p>* GV giao nhiệm vụ (câu hỏi cuối bài) *YC HS làm việc cá nhân => Chia sẻ cặp đôi</p> <p>=> Tương tác trong nhóm *TBHT điều hành các nhóm chia sẻ trước lớp.</p> <p>+ <i>Yêu cầu lớp đọc thầm bài trả lời câu hỏi:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Cò đang làm gì?</i> - <i>Khi đó, Cuộc hỏi Cò điều gì?</i> - <i>Cò trả lời thế nào?</i> - <i>Vì sao Cuộc lại hỏi Cò như vậy?</i> - <i>Cò trả lời như thế nào?</i> <p>- Câu trả lời của Cò chứa đựng một lời khuyên, lời khuyên ấy là gì?</p> <p>- Nếu em là Cuộc em sẽ nói gì với Cò?</p> <p>- <i>Qua bài văn này, tác giả muốn nói với chúng ta điều gì?</i></p> <p>+ Khích lệ trả lời (HS M1). Lưu ý cách diễn đạt ý (HS M3, M4)).</p> <p>- Giáo viên rút nội dung.</p>	<p>-HS nhận nhiệm vụ -Thực hiện theo sự điều hành của trưởng nhóm +Tương tác, chia sẻ nội dung bài * Đại diện nhóm chia sẻ + Các nhóm khác tương tác *<i>Dự kiến nội dung chia sẻ:</i> + HS đọc theo YC-> Lớp đọc thầm bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cò đang lội ruộng bắt tép. - Chị bắt tép vất vả thế, chẳng sợ bùn bắn bẩn hết áo trắng sao? - Cò nói: “Khi làm việc, ngại gì bẩn hở chị.” - Vì Cuộc mỗi khi nhìn lên trời xanh, thấy Cò trắng phau phau, đôi cánh dập dờn như múa. - Phải có lúc vất vả, lội bùn thì mới có khi thanh thoi bay lên trời cao. - Phải chịu khó lao động thì mới có lúc được sung sướng. - Em hiểu rồi. Em cảm ơn chị Cò. - Trả lời theo suy nghĩ cá nhân. - Lắng nghe, ghi nhớ, nhắc lại. -... <p>-Lắng nghe, ghi nhớ</p>
<p>4. HĐ Đọc diễn cảm: (8 phút) *Mục tiêu: - HS đọc đúng, ngắt nghỉ đúng chỗ, biết nhấn giọng ở những từ ngữ cần thiết. *Cách tiến hành:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu - Hướng dẫn cách đọc - Cho các nhóm đọc bài. <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS thi đọc -Yêu cầu học sinh nhận xét. - Giáo viên nhận xét chung và cùng lớp bình chọn học sinh đọc tốt nhất. <p>Lưu ý: - <i>Đọc đúng: M1, M2; Đọc nâng cao: M3, M4</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> -Lắng nghe - HS thực hiện theo yêu cầu đọc bài -Các nhóm tự luyện đọc phân vai đọc lại bài. - Đại diện một số nhóm thi đọc. - HS bình chọn HS đọc tốt

5. HĐ vận dụng, ứng dụng (2 phút)

- Qua câu chuyện em hiểu điều gì?
- Liên hệ thực tiễn - Giáo dục học sinh: Phải lao động vất vả mới có lúc thanh nhàn, sung sướng
- Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết học.

6. Hoạt động sáng tạo (2 phút)

- Đọc diễn cảm bài cho cả nhà cùng nghe. Tìm các văn bản có chủ đề về chim chóc để luyện đọc thêm.
- Nhận xét tiết học.
- Dặn học sinh về nhà luyện đọc bài và chuẩn bị bài *Bác sĩ sói*.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....
.....
.....

TOÁN:

TIẾT 107: PHÉP CHIA

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nhận biết được phép chia.
- Biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia, từ phép nhân viết thành 2 phép chia.

2. **Kỹ năng:** Rèn cho học sinh kỹ năng làm tính nhân, chia.

3. **Thái độ:** Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

*Bài tập cần làm: bài tập 1, 2.

4. **Năng lực:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, các mảnh bìa hình vuông bằng nhau.
- Học sinh: Sách giáo khoa

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não.
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
- TBHT điều hành trò chơi: <i>Truyền điện</i> :	- Học sinh chủ động tham gia

<p>+ND cho học sinh thi đua đọc thuộc nối tiếp nhau đọc thuộc bảng nhân 2,3,4,5.</p> <p>- Giáo viên nhận xét, tổng kết trò chơi và tuyên dương những học sinh trả lời đúng và nhanh.</p> <p>- Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: Phép chia.</p>	<p>chơi</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.</p>
<p>2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <p>- Nhận biết được phép chia.</p> <p>- Biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia ,từ phép nhân viết thành 2 phép chia.</p> <p>*Cách tiến hành: Làm việc cả lớp</p>	
<p>Việc 1: Nhắc lại phép nhân $3 \times 2 = 6$</p> <p>- Mỗi phần có 3 ô. Hỏi 2 phần có mấy ô?</p> <p>- Học sinh viết phép tính $3 \times 2 = 6$</p> <p>Việc 2: Giới thiệu phép chia cho 2</p> <p>- Viết là $6 : 2 = 3$. Dấu : gọi là dấu chia.</p> <p>Việc 3: Giới thiệu phép chia cho 3</p> <p>- Vẽ dùng 6 ô như trên.</p> <p>- Giáo viên hỏi: có 6 ô chia thành mấy phần để mỗi phần có 3 ô?</p> <p>- Viết $6 : 3 = 2$</p> <p>Việc 4: Nêu nhận xét quan hệ giữa phép nhân và phép chia</p> <p>- Mỗi phần có 3 ô, 2 phần có 6 ô. $3 \times 2 = 6$</p> <p>- Có 6 ô chia thành 2 phần bằng nhau, mỗi phần có 3 ô. $6 : 2 = 3$</p> <p>- Có 6 ô chia mỗi phần 3 ô thì được 2 phần $6 : 3 = 2$</p> <p>- Từ một phép nhân ta có thể lập được 2 phép chia tương ứng $6 : 2 = 3 \quad 3 \times 2 = 6 \quad 6 : 3 = 2$</p> <p><i>Lưu ý giúp đỡ đối tượng M1, M2</i></p>	<p>- Học sinh nhắc lại</p> <p>- HS t]ong tác $_>$ phát hiện ra cách tính (6 ô)</p> <p>- Học sinh thực hành.</p> <p>- Học sinh đọc.</p> <p>- Học sinh quan sát hình vẽ rồi trả lời: 6 ô chia thành 2 phần bằng nhau, mỗi phần có 3 ô.</p> <p>- Học sinh quan sát hình vẽ rồi trả lời: Để mỗi phần có 3 ô thì chia 6 ô thành 2 phần. Ta có phép chia “Sáu chia 3 bằng 2”</p> <p>- Học sinh tư duy tìm KQ</p> <p>- Học sinh ...</p> <p>- Học sinh....</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p>
<p>3. HĐ thực hành: (14 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <p>- Nhận biết được phép chia.</p> <p>- Biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia ,từ phép nhân viết thành 2 phép chia.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</p>	<p>- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</p>

<p>- Mời 3 học sinh lên bảng báo cáo kết quả.</p> <p>- GV đánh giá bài làm học sinh.</p> <p>Bài 2:</p> <p>- Mời 2 học sinh lên bảng kết quả.</p> <p>- Nhận xét bài làm từng học sinh-> chốt KT <i>Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành bài tập</i></p> <p>♣ Bài tập chờ (M3, M4): Bài tập: Tính:</p> <p>a) $5 \times 6 =$ b) $3 \times 8 =$ $30 : 5 =$ $24 : 3 =$ $30 : 6 =$ $24 : 8 =$</p>	<p>- Kiểm tra chéo trong cặp.</p> <p>- Dự kiến ND học sinh chia sẻ: + Học sinh chia sẻ kết quả: Từ một phép nhân viết hai phép chia tương ứng: $3 \times 5 = 15$ $4 \times 3 = 12$ $2 \times 5 = 10$ $15 : 3 = 5$ $12 : 3 = 4$ $10 : 5 = 2$ $15 : 5 = 3$ $12 : 4 = 3$ $10 : 2 = 5$</p> <p>- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</p> <p>- Kiểm tra chéo trong cặp.</p> <p>- Học sinh chia sẻ: a) $3 \times 4 = 12$ b) $4 \times 5 = 20$ $12 : 3 = 4$ $20 : 4 = 5$ $12 : 4 = 3$ $20 : 5 = 4$</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p> <p>- Học sinh tự làm bài sau đó báo cáo kết quả với giáo viên: a) $5 \times 6 = 30$ b) $3 \times 8 = 24$ $30 : 5 = 6$ $24 : 3 = 8$ $30 : 6 = 5$ $24 : 8 = 3$</p>
<p>3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)</p> <p>- Giáo viên gọi HS nhắc lại nội dung tiết học</p> <p>+ Nêu mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia, từ phép nhân viết thành 2 phép chia.</p> <p>+ Ví dụ: $2 \times 4 = 8$ $8 : 2 = 4$ $8 : 4 = 2$ (...)</p> <p>-GV chốt KT trọng tâm của bài</p>	
<p>4. HĐ sáng tạo: (1 phút)</p> <p>- Nhẩm tính một số phép tính sau: $5 \times 2 = ?$ $10 : 2 = ?$ $10 : 5 = ?$</p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học.</p> <p>- Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Xem trước bài: Bảng chia 2.</p>	

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

.....

Thứ tư ngày 31 tháng 1 năm 2019

THỀ DỤC:

ĐI THƯỜNG THEO VẠCH KẼ THẲNG, HAI TAY CHỐNG HÔNG

VÀ DANG NGANG. TRÒ CHƠI: NHẢY Ô

I/ MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết cách đi thường theo vạch kẻ thẳng, hai tay chống hông và dang ngang.
- Biết cách chơi và tham gia chơi được.

2. Kỹ năng: Rèn sức bền, dẻo, khéo léo. Tác phong nhanh nhẹn.

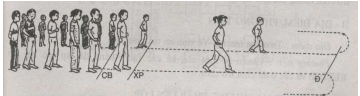
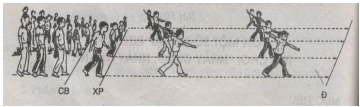
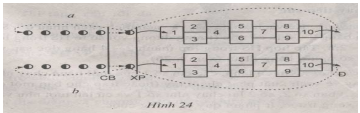
3. Thái độ: Có ý thức chấp hành, tuân thủ kỷ luật, tuân thủ luật chơi. Yêu thích vận động, thích tập luyện thể dục thể thao.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự học, NL vận động cơ bản và phát triển các tố chất thể lực, NL hoạt động thể dục, thể thao, NL giao tiếp – hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL quan sát – Thực hành,...

II/ ĐỊA ĐIỂM - PHƯƠNG TIỆN:

- Địa điểm : Sân trường. Vệ sinh an toàn nơi tập.
- Phương tiện: Còi.

III/ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LÊN LỚP:

NỘI DUNG	ĐỊNH LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC
<p><u>I/ MỞ ĐẦU</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận lớp, phổ biến nội dung và yêu cầu của tiết học. - Kiểm tra bài cũ: Ôn đứng hai chân rộng bằng vai, hai tay đưa ra trước (sang ngang, lên cao chéch chữ V) - Quan sát, nhắc nhở học sinh khởi động các khớp: cổ, cổ tay, hông, gối,... - Quan sát học sinh tập luyện. 	<p>4p 1-2p</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp trưởng tập hợp lớp, điểm số, báo cáo cho giáo viên nhận lớp. <p style="text-align: center;">Đội Hình</p> <p style="text-align: center;">* * * * * * * *</p> <p style="text-align: center;">* * * * * * * *</p> <p style="text-align: center;">* * * * * * * *</p> <p style="text-align: center;">* * * * * * * *</p> <p style="text-align: center;">GV</p>
<p><u>II/ CƠ BẢN:</u></p> <p>Việc 1: Đi thường theo vạch kẻ thẳng, hai tay chống hông và dang ngang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích lại kỹ thuật của động tác đồng thời kết hợp thị phạm cho học sinh nhớ lại kỹ thuật. - Sau đó điều khiển cho học sinh thực hiện. - HS luyện tập theo nhóm (Trưởng nhóm điều hành) - Quan sát, nhắc nhở. <p style="color: red;"><i>(Chú ý theo dõi đối tượng M1)</i></p>	<p>26p 13p 3-5 lần</p>	 
<p>Việc 2: Trò chơi “nhảy ô”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích lại và thị phạm cho học sinh nắm được cách chơi. - Sau đó cho học sinh chơi thử. - Nêu hình thức xử phạt. - HS chơi thật 	<p>10p 3-5 lần</p>	 <p style="text-align: center;"><small>Hình 24</small></p>

<p><i>(Khuyến khích đối tượng MI tham gia tích cực)</i></p> <p>III/ KẾT THÚC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đứng tại chỗ vỗ tay hát. - Hướng dẫn cho học sinh các động tác thả lỏng toàn thân. - Hệ thống lại bài học và nhận xét giờ học. - Giáo viên hô “giải tán” 	5p	Đội hình xuống lớp * GV - Học sinh reo “khỏe”.
---	----	--

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

TỪ NGỮ VỀ LOÀI CHIM. DẤU CHẤM, DẤU PHẨY.

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nhận biết đúng tên một số loài chim vẽ trong tranh (BT1); điền đúng tên loài chim đã cho vào chỗ trống trong thành ngữ.(BT2)
- Điền đúng dấu chấm, dấu phẩy vào chỗ trống thích hợp trong đoạn văn.

2. Kỹ năng: Giúp học sinh mở rộng vốn từ ngữ về các loài chim.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích các loài chim.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Tranh minh họa các loài chim trong bài.
- Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. HĐ khởi động: (3 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổ chức cho học sinh thi đua hỏi và trả lời câu hỏi Ở đâu? - Giáo viên tổng kết trò chơi, nhận xét, tuyên dương học sinh. - Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng: Từ ngữ về loài chim. Dấu chấm, dấu phẩy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chơi. - Lắng nghe. - Học sinh mở sách giáo khoa và vở Bài tập.

2. HĐ thực hành (27 phút)

*Mục tiêu:

- Nhận biết đúng tên một số loài chim vẽ trong tranh (BT1); điền đúng tên loài chim đã cho vào chỗ trống trong thành ngữ (BT2).
- Điền đúng dấu chấm, dấu phẩy vào chỗ trống thích hợp trong đoạn văn.

*Cách tiến hành:

Bài 1: TC Trò chơi Đố bạn biết

- Giáo viên treo tranh minh họa để hai đội chơi tham gia thi tìm tên của các loài chim gắn với ảnh tương ứng.

- Giáo viên nhận xét, tổng kết trò chơi, tuyên dương học sinh.

Bài 2: Làm việc theo nhóm – Chia sẻ trước lớp

- Giáo viên gắn các băng giấy có ghi nội dung bài tập 2 lên bảng.

-GV giao nhiệm vụ cho học sinh thảo luận nhóm. Sau đó lên gắn đúng tên các loài chim vào các câu thành ngữ tục ngữ.

- Gọi học sinh nhận xét và chữa bài.

- Yêu cầu học sinh đọc.

- Giáo viên giải thích các câu thành ngữ, tục ngữ cho học sinh hiểu:

+ Vì sao người ta lại nói “Đen như quạ”?

+ Vì sao người ta lại nói “Hôi như cú”?

...

Bài 3: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp

- Yêu cầu học sinh lên bảng chia sẻ kết quả.

- Tổ chức cho học sinh nhận xét bài bạn.

- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án:

+ “Ngày xưa có đôi bạn là Diệc và Cò. Chúng thường cùng ở, cùng ăn, cùng làm việc và đi chơi cùng nhau. Hai bạn gắn bó với nhau như

- Học sinh tham gia chơi.

- Học sinh dưới lớp cùng giáo viên làm ban giám khảo.

- Học sinh nhận xét, bình chọn đội thắng cuộc.

- Học sinh lắng nghe.

- Chia nhóm 4 học sinh thảo luận trong 5 phút.

- Các nhóm có ý kiến trước lên gắn từ -> chia sẻ:

a) quạ

d) khướu

b) cú

e) cắt

c) vẹt

- Chữa bài.

- Học sinh đọc cá nhân

+ Vì con quạ có màu đen.

+ Cú có mùi hôi. Nói “Hôi như cú” là chỉ cơ thể có mùi hôi khó chịu...

- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.

- Kiểm tra chéo trong cặp.

*Dự kiến ND học sinh chia sẻ:
“Ngày xưa có đôi bạn là Diệc và Cò. Chúng thường cùng ở, cùng ăn, cùng làm việc và đi chơi cùng nhau. Hai bạn gắn bó với nhau như hình với bóng.”

- Học sinh nhận xét.

<p><i>hình với bóng.”</i></p> <p>- Yêu cầu học sinh đọc lại đoạn văn.</p> <p><i>Lưu ý giúp đỡ để đối tượng học sinh hạn chế hoàn thành bài tập</i></p>	- Học sinh đọc.
<p>3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <p>- Hỏi lại tựa bài.</p> <p>- Hỏi lại những điều cần nhớ.</p> <p>- Đặt câu có từ: <i>chim khướu, con vẹt,...</i></p> <p>- Nhận xét tiết học. Tuyên dương những học sinh có tinh thần học tập tốt.</p>	
<p>4. HĐ sáng tạo: (2 phút)</p> <p>-Viết một đoạn văn khoảng 3 -5 câu về một loài chim mà em thích</p> <p>- Nhắc nhở học sinh về nhà xem lại bài đã làm, chuẩn bị bài sau.</p>	

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

TOÁN:

TIẾT 108: BẢNG CHIA 2

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Lập được bảng chia 2.
- Nhớ được bảng chia 2.
- Biết giải bài toán có 1 phép chia (trong bảng chia 2)

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kỹ năng làm tính và giải bài toán có 1 phép chia (trong bảng chia 2).

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

*Bài tập cần làm: bài tập 1, bài tập 2.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Chuẩn bị các tấm bìa, mỗi tấm có 2 chấm tròn (như sách giáo khoa).
- Học sinh: sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, kỹ thuật động não
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3phút)	
<p>- TBHT điều hành trò chơi: Đố bạn biết: +Nội dung chơi: đưa ra phép nhân để bạn nêu phép chia tương ứng: $4 \times 3 = 12$ $5 \times 4 = 20$ (...) - Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương học sinh. - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: Bảng chia 2.</p>	<p>- Học sinh tham gia chơi. - Lắng nghe. - Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.</p>
2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút)	
<p>*Mục tiêu: - Lập được bảng chia 2. - Nhớ được bảng chia 2. *Cách tiến hành: Làm việc cả lớp</p>	
<p>Việc 1: Giới thiệu phép chia 2 từ phép nhân 2: - Nhắc lại phép nhân 2 - Giáo viên gắn 4 tấm bìa. Mỗi tấm bìa có 2 chấm tròn. 4 tấm bìa có tất cả mấy chấm tròn? - YC học sinh tư duy ->viết phép nhân. a) Nhắc lại phép chia - Trên các tấm bìa có 8 chấm tròn, mỗi tấm có 2 chấm tròn. Hỏi có mấy tấm bìa? - Cho học sinh viết phép chia b) Nhận xét - Từ phép nhân 2 là $2 \times 4 = 8$, ta có phép chia 2 là $8 : 2 = 4$. Việc 2: Lập bảng chia 2 - Làm tương tự như trên sau đó cho học sinh tự lập bảng chia 2. - Tổ chức cho học sinh học thuộc bảng chia 2 bằng các hình thức thích hợp. <i>Lưu ý giúp đỡ đối tượng M1, M2</i></p>	<p>- Học sinh đọc phép nhân 2. - Có 8 chấm tròn. - HS viết phép nhân: $2 \times 4 = 8$. - Học sinh trả lời: Có 4 tấm bìa. - HS viết phép chia $8 : 2 = 4$. - Học sinh lặp lại. - Học sinh tự lập bảng chia 2 $2 : 2 = 1$ $6 : 2 = 3$ $4 : 2 = 2$ $8 : 2 = 4$</p>
3. HĐ thực hành: (14 phút)	
<p>*Mục tiêu: - Nhớ được bảng chia 2. - Biết giải bài toán có 1 phép chia (trong bảng chia 2) *Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp - Mời các tổ nối tiếp báo cáo kết quả.</p>	<p>- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài. - Kiểm tra chéo trong cặp. *Dự kiến kết quả HS chia sẻ: $6 : 2 = 3$ $2 : 2 = 1$</p>

<p>- Nhận xét bài làm học sinh.</p> <p>Bài 2: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</p> <p>- Yêu cầu học sinh lên bảng chia sẻ (TBHT điều hành)</p> <p>- Bài toán cho biết gì?</p> <p>- Bài toán hỏi gì?</p> <p>- Giáo viên nhận xét chung.</p> <p><i>Lưu ý giúp đỡ để đối tượng hạn chế hoàn thành bài tập</i></p> <p>🔗 Bài tập chờ (M3, M4):</p> <p>Bài toán: Cả lớp có 18 học sinh giỏi, cô giáo xếp đều vào hai dãy. Hỏi mỗi dãy có bao nhiêu học sinh giỏi?</p> <p>- Yêu cầu học sinh tự làm bài rồi báo cáo với giáo viên.</p>	<p>$4 : 2 = 2$ $8 : 2 = 4$ $10 : 2 = 5$ $12 : 2 = 6....$</p> <p>- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</p> <p>- Kiểm tra chéo trong cặp.</p> <p><i>*Dự kiến nội dung HS chia sẻ:</i></p> <p>- Có 12 cái kẹo chia đều cho 2 bạn</p> <p>- Mỗi bạn được mấy cái kẹo?</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Số kẹo mỗi bạn được chia là: $12 : 2 = 6$ (cái kẹo) Đáp số: 6 cái kẹo</p> <p>- Học sinh tự làm bài sau đó báo cáo kết quả với giáo viên:</p> <p><i>*Dự kiến kết quả HS chia sẻ:</i></p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải:</u></p> <p>Mỗi dãy có số học sinh giỏi là: $18 : 2 = 9$ (học sinh) Đáp số: 9 học sinh</p>
<p>4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)</p> <p>- Tổ chức cho học sinh đọc thuộc bảng chia 2 (trò chơi <i>Truyền điện</i>)</p> <p>- Tuyên dương HS nắm bài tốt</p>	
<p>5. HĐ sáng tạo: (1 phút)</p> <p>- Giải bài toán sau: <i>Mẹ đi chợ mua 12 quả cam và xếp đều vào 2 đĩa. Hỏi mỗi đĩa có mấy quả cam?</i></p> <p>- Dẫn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Làm lại các bài tập sai. Xem trước bài:</p> <p>Một phần hai</p>	

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

.....

ĐẠO ĐỨC

BIẾT NÓI LỜI YÊU CẦU, ĐỀ NGHỊ (TIẾT 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết một số câu yêu cầu, đề nghị lịch sự.